ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4744 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 145/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 và số 525/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt dự án Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8696/SXD-HĐXD ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án; của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa tại Tờ trình số 114/TTr-BQLDAKV ngày 25 tháng 10 năm 2024 (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn với những nội dung sau:

1. Nội dung điều chỉnh

1.1. Điều chỉnh Quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới đoạn kênh thoát nước dài 257,0 m từ lý trình Km7+155 của Đường tỉnh 513 đến Tổng kho xăng dầu Anh Phát, dạng kênh hình thang, chiều rộng đáy kênh 10,5 m; gia cố mái kênh bằng tấm lát bê tông đúc sẵn, gia cố chống xói đáy kênh bằng đá hộc xếp chặt.

- Xây dựng, sửa chữa đoạn kênh dài khoảng 50 m, dạng kênh hộp kích thước BxH = (2,0 x 1,5) m, kết cấu bằng bê tông cốt thép.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở).

1.2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **92.833.374.000 đồng**.

Trong đó:

TT	Nội dung chi phí	TMĐT theo QĐ số 1660/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch: tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	13.959.777.000	0	-13.959.777.000
2	Chi phí xây dựng	70.671.446.000	79.990.856.149	9.319.410.149
3	Chi phí Quản lý dự án	1.308.574.000	1.406.424.247	97.850.247
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	3.780.271.000	4.060.885.342	280.614.342
5	Chi phí khác	870.502.000	872.988.916	2.486.916
6	Chi phí dự phòng	8.709.430.000	6.502.219.681	-2.207.210.319
	Tổng cộng	**99.300.000.000**	**92.833.374.000**	**-6.466.626.000**

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

1.3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Lý do điều chỉnh: Để đảm bảo khả năng thoát nước cho khu vực và thực hiện theo Nghị quyết số 525/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan

thanh tra, kiểm toán,…) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng công trình và hoàn thành Dự án theo đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN$_{HĐXD_TM.126}$

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT THEO QĐ 1660/QĐ-UBND NGÀY 16/5/2022	TMĐT ĐIỀU CHỈNH	TĂNG (+), GIẢM (-)
I	**CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC**	**13.959.777.000**	**0**	**-13.959.777.000**
II	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**70.671.446.000**	**79.990.856.149**	**9.319.410.149**
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**1.308.574.000**	**1.406.424.247**	**97.850.247**
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD**	**3.780.271.000**	**4.060.885.342**	**280.614.342**
1	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BCNCKT	4.395.000	7.146.000	2.751.000
2	Giám sát khảo sát lập BCNCKT	5.965.000	9.698.000	3.733.000
3	Khảo sát lập BCNCKT	161.142.000	252.828.000	91.686.000
4	Lập BCNCKT	333.870.000	382.904.072	49.034.072
5	Thẩm tra BCNCKT	77.711.000	85.534.000	7.823.000
6	Thiết kế cắm cọc GPMB và MLG	200.000.000	19.914.000	-180.086.000
7	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	4.167.000	10.165.667	5.998.667
8	Giám sát khảo sát bước BVTC	5.656.000	13.798.556	8.142.556
9	Khảo sát bước lập BVTC	150.000.000	365.970.000	215.970.000
10	Thiết kế BVTC và dự toán	1.014.271.000	1.130.390.585	116.119.585
11	Thẩm tra thiết kế xây dựng	86.098.000	92.882.807	6.784.807
12	Thẩm tra dự toán công trình	82.598.000	89.287.243	6.689.243
13	Lập giấy phép môi trường	300.000.000	116.604.000	-183.396.000
14	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC	2.156.000	400.000	-1.756.000
15	Chi phí lập HSMT,đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	100.000.000	100.000.000	
16	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp hạng mục bổ sung (NĐ 24/2024/NĐ-CP)		27.486.299	27.486.299
17	Giám sát thi công xây dựng	1.185.429.000	1.277.466.966	92.037.966
18	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC	2.000.000	2.000.000	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	TMĐT THEO QĐ 1660/QĐ-UBND NGÀY 16/5/2022	TMĐT ĐIỀU CHỈNH	TĂNG (+), GIẢM (-)
19	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp	64.813.000	62.666.000	-2.147.000
20	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp hạng mục bổ sung (NĐ 24/2024/NĐ-CP)		13.743.149	13.743.149
V	**CHI PHÍ KHÁC**	**870.502.000**	**872.988.916**	**2.486.916**
1	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng	8.118.000	326.400	-7.791.600
2	Thẩm định TK BVTC		4.329.092	4.329.092
3	Phí thẩm định dự toán TK BVTC		4.191.661	4.191.661
4	Kiểm toán	377.936.000	367.671.132	-10.264.868
5	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	112.209.000	108.429.358	-3.779.642
6	Bảo hiểm công trình	178.236.000	202.095.873	23.859.873
7	Đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công	104.003.000	95.619.000	-8.384.000
8	Kiểm tra công tác nghiệm thu	50.000.000	50.000.000	
9	Thỏa thuận đấu nối thoát nước	20.000.000	20.000.000	
10	Thỏa thuận cắt đường, HTKT hiện trạng	20.000.000	20.000.000	
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	**8.709.430.000**	**6.502.219.681**	**-2.207.210.319**
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	6.209.130.268	4.170.965.265	-2.038.165.003
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	2.500.299.732	2.331.254.416	-169.045.316
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)	**99.300.000.000**	**92.833.374.000**	**-6.466.626.000**